

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 4071/2023/LĐ-ST
Ngày: 29/9/2023
V/v “Tranh chấp tuyên bố
hợp đồng lao động vô hiệu”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Hương

2/ Ông Huỳnh Tiến Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Thanh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2023/TLST-LĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023, về việc “Tranh chấp tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5245/2023/QĐXXST-LĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5942/2023/QĐST-LĐ ngày 08/9/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phan Thị N, sinh năm 1986 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số B đường C, khu phố D, phường E, thành phố F, tỉnh Bình Dương.

- **Bị đơn:** Công ty A (Việt Nam) (Vắng mặt)

Trụ sở: Lô G Khu chế xuất I, phường K, thành phố L, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Phan Thị H, sinh năm 1994 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm P, xã Q, huyện O, tỉnh Hà Tĩnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Phan Thị N trình bày:

Từ tháng 08/2010 đến tháng 04/2011, bà N cho bà Phan Thị H, sinh năm 1993, hộ khẩu thường trú: Xóm P, xã Q, huyện O, tỉnh Hà Tĩnh mượn chứng minh nhân dân số 183442662 của bà N để vào làm việc tại Công ty A (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty A), trụ sở: Lô G Khu chế xuất I, phường K, thành phố L, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi ký kết hợp đồng lao động, Công ty A đã tiến hành nộp hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ là 7910356076 mang tên Phan Thị N. Đầu năm 2023, bà N đến cơ quan bảo hiểm xã hội để thực hiện việc lãnh bảo hiểm xã hội một lần thì phát hiện hồ sơ bảo hiểm xã hội của bà tại Công ty A (Việt Nam) trùng với hồ sơ bảo hiểm của bà Phan Thị N tại Công ty A (Việt Nam) trong khoảng thời gian từ tháng 8/2010 đến tháng 4/2011. Vì vậy, cơ quan bảo hiểm hướng dẫn bà liên hệ Công ty A yêu cầu công ty ký lại hợp đồng lao động với bà Phan Thị Hiền trong khoảng thời gian từ tháng 8/2010 đến tháng 4/2011 và xác nhận bằng văn bản về việc thay đổi thông tin về bảo hiểm xã hội của người lao động. Bà đã đến Công ty A để giải quyết nhưng công ty bảo là không thay đổi thông tin này được.

Nay bà N yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Phan Thị N và Công ty A trong khoảng thời gian từ tháng 8/2010 đến tháng 4/2011 là vô hiệu do người tham gia ký hợp đồng lao động là bà Phan Thị H, không phải là Phan Thị N.

Ngoài ra, bà N không có yêu cầu gì khác, không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

* Bị đơn Công ty A (Việt Nam) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không lấy lời khai của đương sự được.

* Tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H trình bày:

Từ tháng 8/2010, bà có mượn chứng minh nhân dân của bà Phan Thị N để vào làm việc và ký kết hợp đồng lao động với Công ty A. Do thời gian quá lâu nên bà không nhớ số hợp đồng lao động và ngày ký kết hợp đồng lao động. Sau khi vào làm việc tại công ty, bà đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo mã số sổ 7910356076. Thời gian làm việc và đóng bảo hiểm xã hội dưới tên bà Phan Thị N từ tháng 8/2010 đến tháng 4/2011. Sau đó, bà đã nghỉ việc tại Công ty A và chưa tiến hành chốt sổ bảo hiểm xã hội.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Phan Thị N và Công ty A trong khoảng thời gian từ tháng 8/2010 đến tháng 4/2011 là vô hiệu, bà đồng ý và không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở do chủ thể tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty A là bà Phan Thị H, không phải là bà Phan Thị N, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Bị đơn Công A (Việt Nam) có trụ sở tại Lô G Khu chế xuất I, phường K, thành phố L, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ Khoản 1 Điều 32, Điểm c Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Phan Thị N và Phan Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Công ty A đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập thể hiện trong khoảng thời gian tháng 10/2010 đến tháng 4/2011, bà Phan Thị N cùng lúc ký hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội tại 02 doanh nghiệp là Công ty A (Việt Nam) và Công ty B (Việt Nam) với 02 sổ sổ bảo hiểm xã hội khác nhau, cụ thể:

+ Sổ sổ bảo hiểm xã hội thứ 1: 7910356076 đã được Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kollan (Việt Nam), địa chỉ: Lô G Khu chế xuất I, phường K, thành phố L, Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký tham gia từ tháng 8/2010 đến tháng 4/2011.

+ Sổ sổ bảo hiểm xã hội thứ 2: 7908077441 được Công ty B (Việt Nam), địa chỉ: Khu chế xuất I, phường K, thành phố L, Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký tham gia từ tháng 01/2008 đến tháng 8/2010 và từ tháng 10/2010 đến tháng 01/2022.

Sự việc xảy ra như trên là xuất phát từ việc bà N đã cho bà Phan Thị H sử dụng chứng minh nhân dân của bà N để ký kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty A trong khoảng thời gian từ tháng 8/2010 đến tháng 4/2011. Như vậy, chủ thể ký kết và thực hiện hợp đồng lao động trong trường hợp này là bà Phan Thị H, không phải là bà Phan Thị N. Việc bà H sử dụng thông tin cá nhân của bà N để ký kết hợp đồng lao động với Công ty A là vi phạm quy định tại Khoản 1, Khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007). Vì vậy, bà N yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động trên vô hiệu là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu, bà Phan Thị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về án phí lao động sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300,000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5; Khoản 1 Điều 32; Điểm c Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 184; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 1, Khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, năm 2006, năm 2007);

- Căn cứ Khoản 2, Khoản 7 Điều 188; Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N

- Tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Phan Thị N và Công ty A (Việt Nam) trong khoảng thời gian tháng 8/2010 đến tháng 4/2011 là vô hiệu.

- Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Bà Phan Thị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2. Về án phí lao động sơ thẩm:

Án phí lao động sơ thẩm là 300,000 đồng, Công ty A (Việt Nam) có nghĩa vụ nộp.

Hoàn lại cho bà Phan Thị N số tiền tạm ứng án phí 300,000 đồng bà N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003079 ngày 25/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Phan Thị N, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kollan (Việt Nam), bà Phan Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Minh

